

Số: 02 /2015/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về công tác
thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật về Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 5 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 5 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh An Giang tại Tờ trình số 1381/TTr-SNV ngày 09 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- TT: UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các Doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Đài PTTH AG, Báo AG;
- Lãnh đạo văn phòng;
- Phòng: VHXX, TH;
- Trung tâm CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: HC-TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Việt Hiệp

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung thi đua và phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng; quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; việc quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài đang cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng:

Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất. Lưu ý khi xét khen thưởng:

a) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

c) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

d) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

2. Phải tổ chức họp xét, đánh giá phân loại cán bộ công chức trước và trên cơ sở đó bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết năm đối với cá nhân.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88, Điều 89 Luật Thi đua, khen thưởng 2003 và Điều 78, 79 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Điều 5. Xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 96, Điều 97, Điều 98 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 80 đến Điều 84 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm khối, thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua. Thực hiện đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể; khi kết thúc năm có tổng kết và bình xét thi đua, khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo

chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian. Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và những nội dung sau:

1. Phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Phải xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo: Tổ chức, kiểm tra, khen thưởng phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, Chủ tịch UBND các địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; chủ trì phối hợp với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động phong trào, chỉ đạo phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động thi đua và tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của tỉnh, của tổ chức mình. Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua khen thưởng; phổ biến những kinh nghiệm, cách làm hay, nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, đồng thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

4. Điều kiện về thời gian xét danh hiệu thi đua:

a) Cá nhân có thời gian công tác liên tục 10 tháng trở lên và tổng số ngày nghỉ trong năm không quá 40 ngày (trừ ngày lễ, ngày nghỉ tuần, nghỉ tết, nghỉ phép năm). Đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 10 tháng trở lên.

b) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi

duỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

d) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

đ) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

5. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của các đơn vị trực thuộc do thủ trưởng cơ quan đơn vị quy định nhưng tỷ lệ của đơn vị không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt 02 tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” ngay trước thời điểm đề nghị;

b) Sáng kiến, cải tiến, giải pháp, đề xuất hoặc áp dụng công nghệ mới có tác dụng ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn tỉnh và được Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến của tỉnh công nhận.

Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập.

2. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến tỉnh có trách nhiệm giúp UBND tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

Điều 13. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến"

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét công nhận mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm và được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d Khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

3. Đối tượng được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”:

- a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Đơn vị trực thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh... và các tập thể trực thuộc như phòng, phân xưởng;
- b) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;
- c) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND cấp xã, phường, thị trấn;
- d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng đối với các đơn vị trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

đ) Các phòng, trạm, trại, đội và các đơn vị trực thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương; các tổ, khối chuyên môn thuộc các trường học trong ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"

1. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và đạt tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với tập thể tham gia cụm, khối thi đua, ngoài đạt tiêu chuẩn tại Khoản 1 Điều này, phải được xếp hạng ba trở lên của cụm, khối thi đua.

3. Danh hiệu "Đơn vị quyết thắng" xét tặng cho tập thể cán bộ - chiến sĩ Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng công an chính quy), Bảo vệ dân phố thực hiện theo Thông tư 40/2014/TT-BCA ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 15. Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc", "Doanh nhân xuất sắc"

Đây là hình thức vinh danh doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh, hai năm bình chọn một lần thực hiện theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" và "Doanh nhân xuất sắc" tỉnh An Giang.

Điều 16. Danh hiệu "Gia đình văn hoá", "Khóm, Ấp, Tổ dân phố văn hoá"

Danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Khóm, ấp, tổ dân phố văn hóa" và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn tại Điều 29 và Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức bình xét, tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa" và lựa chọn những gia đình tiêu biểu trong số các gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" để thưởng tiền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Danh hiệu "Khóm, Ấp văn hoá, Tổ dân phố văn hoá" được tặng giấy chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung.

Điều 17. "Cờ thi đua của UBND tỉnh"

"Cờ thi đua của UBND tỉnh" được xét tặng cho các đơn vị, địa phương:

1. Đối với phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm phải đạt các tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành xuất sắc toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể trong tỉnh học tập; nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; tổ chức Đảng (nếu có) đạt trong sạch vững mạnh, các đoàn thể chính trị vững mạnh;

b) Được suy tôn là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu cụm, khối thi đua của tỉnh; dẫn đầu cụm, khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; dẫn đầu cụm thi đua các bậc học thuộc ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh.

2. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề: Tặng đơn vị dẫn đầu các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động.

Điều 18. "Cờ Thi đua của Chính phủ"

1. "Cờ Thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn nhận cờ thi đua cấp tỉnh (các cụm khối thi đua tỉnh, ngành giáo dục và đào tạo, xã, phường, thị trấn).

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. "Cờ Thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của tỉnh;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

3. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng "Cờ thi đua Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua cấp tỉnh.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng "Cờ thi đua của UBND tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh do cụm khối thi đua tỉnh, cấp dưới trực

tiếp (hoặc tương đương) đề nghị; xem xét trình Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Khóm, Ấp, Tổ dân phố văn hóa”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

5. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước; cụ thể như:

a) Trong quá trình công tác thực hiện nhiệm vụ lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh;

b) Có thành tích trong việc dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân;

c) Gương người tốt việc tốt tiêu biểu toàn tỉnh;

d) Đóng góp lớn cho hoạt động xã hội từ thiện;

đ) Đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn;

e) Lập chiến công lớn trong chiến đấu, có thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến đấu;

g) Giúp các địa phương khắc phục thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... có hiệu quả.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Tiêu chuẩn, thời gian, điều kiện thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 21. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

3. Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương (quy định tại các Khoản 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013) và “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” (quy định tại Khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013), thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: Trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 22. Giấy khen

1. Đối tượng được tặng Giấy khen là tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất; đạt thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua (hoặc chuyên đề) và tổng kết năm công tác.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban UBND cấp huyện;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban UBND cấp xã;

d) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tập thể:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Hộ gia đình:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc khen thưởng bằng hình thức Giấy khen đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức khác được quy định như sau:

a) Đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan Trung ương của các tổ chức này quy định;

b) Đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

c) Đối với các tổ chức khác do Chính phủ quy định.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng Giấy khen.

Điều 23. "Bằng khen của UBND tỉnh"

1. "Bằng khen của UBND tỉnh" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh; đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Hai năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, một năm đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và một năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có hai sáng kiến được công nhận áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. "Bằng khen của UBND tỉnh" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực trong tỉnh;

c) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. "Bằng khen của UBND tỉnh" để tặng cho đơn vị được cụm, khối thi đua bình xét xếp hạng nhì, ba (kể cả đồng hạng):

a) Nhì, ba cụm, khối thi đua tỉnh;

b) Nhì, ba (đơn vị thuộc ngành dọc tham gia khối thi đua cấp huyện);

c) Nhì, ba cụm thi đua cấp huyện (xã, phường, thị trấn).

4. "Bằng khen của UBND tỉnh" để tặng cho doanh nghiệp tư nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả hoạt động và khen thưởng đối với doanh nghiệp tư nhân, doanh nhân.

5. "Bằng khen của UBND tỉnh" để khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt:

a) Do ngành tỉnh phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tham mưu UBND tỉnh tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh từ một năm trở lên:

- Huyện (thị xã, thành phố) đạt giải nhì, ba (02 đơn vị);

- Xã (phường, thị trấn) dẫn đầu toàn huyện (11 đơn vị);

- Cá nhân điển hình (11 cá nhân).

b) Do các ngành, địa phương tổ chức cho các đơn vị trực thuộc: Các trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc.

6. Khen thưởng các chương trình công tác: Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia,

các chỉ thị, nghị quyết... của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, có chủ trương khen thưởng tổng kết nhưng không có kế hoạch tổ chức thi đua, cơ quan tham mưu chính phải thống nhất với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp hướng dẫn khen thưởng về đối tượng, tiêu chí và hình thức khen, số lượng khen.

7. Khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện:

a) "Bằng khen của UBND tỉnh" để tặng cho tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản (quy đổi ra tiền) cho địa phương, xã hội, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn như sau:

- Đối với tập thể (hoặc hộ gia đình) có đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên, đối với cá nhân từ 50 triệu đồng trở lên. Trường hợp trong năm đã được tặng Bằng khen thì lần sau đóng góp phải cao hơn lần trước (ít nhất 20%);

- Đối với thành tích vận động, đóng góp ngày công lao động sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể (theo quy đổi giá trị ngày công ra tiền công).

b) Tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đóng góp cho địa phương nào, địa phương đó khen thưởng. Địa phương lập danh sách, trình UBND tỉnh tặng Bằng khen khi tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đạt các yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này.

8. Khen thưởng hội thi, hội diễn, kỳ thi:

a) Đạt giải nhất, nhì, ba toàn quốc;

b) Đạt giải nhất, nhì khu vực;

c) Đạt giải nhất toàn tỉnh.

Nếu trong hội thi, hội diễn, kỳ thi đã quy định mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt (hoặc kinh phí xã hội hóa) cao hơn mức thưởng "Bằng khen của UBND tỉnh" thì chỉ được tặng Bằng khen, kèm tiền thưởng của Ban Tổ chức hội thi, hội diễn, kỳ thi.

9. Khen thưởng sinh viên, học sinh giỏi (sẽ có quy định cụ thể sau).

Điều 24. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (theo Điều 23, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP)

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp tỉnh và tương đương, năm năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có năm sáng kiến

được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được năm lần tặng Giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện.

b) Công nhân có từ hai sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ hai năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết ba năm trở lên.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và tương đương.

c) Đã được tặng Bằng khen của tỉnh và tương đương, năm năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có một lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương.

4. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

5. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho doanh nghiệp ngoài nhà nước gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 1,5 tỷ đồng/năm trở lên; hoặc đóng góp liên tục nhiều năm từ 3 tỷ đồng trở lên.

Điều 25. "Huân chương Lao động" hạng ba (theo Điều 17, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP)

1. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến được Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực;

b) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, năm năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có hai sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp tỉnh.

2. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a hoặc b Khoản 1 Điều này;

b) Có sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp huyện công nhận.

- Công nhân có ba sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ ba năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. "Huân chương Lao động" hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc tỉnh.

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ mười năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và năm năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có hai lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương hoặc có một lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương và hai Bằng khen của tỉnh và tương đương.

Điều 26. "Huân chương Lao động" hạng nhì (theo Điều 16 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP)

1. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong tỉnh hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba, năm năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong tỉnh, trong thời gian đó có ba sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong tỉnh.

2. "Huân chương Lao động" hạng nhì để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a hoặc b Khoản 1 Điều này.

b) Có phát minh, sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp tỉnh công nhận.

- Công nhân có năm sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ năm năm trở lên và đã giúp đỡ nhiều hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. "Huân chương Lao động" hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong tỉnh.

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng ba, năm năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có một lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và một lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương.

Điều 27. "Huân chương Lao động" hạng nhất (theo Điều 15 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP)

1. "Huân chương Lao động" hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước.

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng nhì, năm năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có bốn sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong tỉnh.

2. "Huân chương Lao động" hạng nhất để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a hoặc b Khoản 1 Điều này;

b) Có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp tỉnh công nhận.

- Công nhân có bảy phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ bảy năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. "Huân chương Lao động" hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và hai lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương hoặc có bốn lần được tặng Cờ thi đua của tỉnh và tương đương.

Điều 28. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác

Các hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương; các loại Huân chương bậc cao, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh và khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng đối ngoại thực hiện theo các điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Huy hiệu của tỉnh An Giang để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thực hiện theo Điều 69 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sẽ có quy định riêng).

Điều 29. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen

1. Chủ tịch nước quyết định tặng Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước", danh hiệu vinh dự Nhà nước.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen.

3. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen.

4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định tặng Giấy khen.

Chương IV

THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 30. Quy định chung về thủ tục khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét khen thưởng, lập hồ sơ trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các đối tượng điển hình thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, Trung ương phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt; chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình. Trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn tỉnh thì mới đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen; sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

3. Một số trường hợp khác thực hiện như sau:

a) Cụm, khối trưởng trình khen thưởng cho thành viên được cụm, khối suy tôn, bình chọn.

b) Người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích đóng góp cho tỉnh do sở, ban, ngành, cơ quan đã trực tiếp làm việc trao đổi thống nhất với các ngành có liên quan và trình khen thưởng.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.

d) UBND cấp huyện, tỉnh khen thưởng, trình khen thưởng cho Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; ... Công đoàn cơ sở và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

đ) Đối với các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định thành lập, quyết định cổ phần hoá thì cấp đó quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

e) Đối với công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng tại địa phương nào, Chủ tịch UBND địa phương đó trình khen thưởng.

Điều 31. Quy định về thủ tục hồ sơ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", danh

hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", Giải thưởng Nhà nước và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Báo cáo thành tích phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 39/2013/NĐ-CP và bám sát tiêu chuẩn, điều kiện quy định. Đối với các sáng kiến, giải pháp phải nêu rõ tên đề tài sáng kiến giải pháp, tính mới, hiệu quả và khả năng áp dụng, văn bản công nhận.

4. Những nội dung phải thể hiện trong báo cáo thành tích:

a) Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, nội bộ đoàn kết, nhất trí;

c) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân và người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm (ghi rõ trích lục văn bản và nội dung xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).

5. Việc xác nhận nghĩa vụ nộp ngân sách

Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, trong báo cáo thành tích phải thể hiện số liệu nộp ngân sách có so sánh so với cùng kỳ, hoặc giai đoạn trước, cam kết nộp đúng, nộp đủ và nộp đúng thời hạn; khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:

a) Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

c) Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, "Cờ Thi đua UBND tỉnh", "Bằng khen của UBND tỉnh" khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng kèm theo danh sách (Mẫu 01/TĐKT);

b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, cụm, khối thi đua huyện, ngành tỉnh (Mẫu 02/TĐKT);

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (Mẫu số 1, 2);

d) Báo cáo biên chế (Mẫu 05/TĐKT) và văn bản kèm danh sách công nhận tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Kết quả chấm điểm xếp hạng của cụm, khối;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ cụm khối thi đua tỉnh đề nghị tặng "Cờ thi đua của UBND tỉnh", "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của UBND tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc", gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cụm, khối trưởng;

b) Biên bản họp xét;

c) Kết quả chấm điểm xếp hạng và tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng;

(Riêng tập thể được đề nghị xét "Cờ thi đua của Chính phủ" phải báo cáo thành tích có xác nhận của cấp trình khen, tóm tắt thành tích (kèm file 2 báo cáo); đối với đơn vị kinh tế phải có xác nhận thuế trong 2 năm).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", gồm:

a) Tờ trình đề nghị công nhận đạt danh hiệu thi đua kèm danh sách (Mẫu 01/TĐKT);

b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp (Mẫu 02/TĐKT) ;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét (Mẫu số 2);

d) Báo cáo tóm tắt nội dung đề tài sáng kiến, giải pháp (Mẫu 04/TĐKT);

đ) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở (Mẫu 03/TĐKT);

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động", tặng thưởng Huân chương các loại; Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" có thành tích, công trạng, gồm:

a) Tờ trình kèm danh sách (Mẫu 01/TĐKT);

b) Biên bản họp xét (Mẫu 02/TĐKT); danh sách công nhận tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Báo cáo thành tích và tóm tắt thành tích (Mẫu số 1, 2, 4, 5 ban hành kèm theo Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/04/2012);

d) Báo cáo tóm tắt nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực (Mẫu 04/TĐKT);

Phải có trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến các cấp; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến các cấp.

đ) Số lượng hồ sơ:

- Danh hiệu "Anh hùng Lao động": 06 bộ (photocopy thêm 18 bộ);
- Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc": 03 bộ;
- Huân chương các loại: 04 bộ;
- "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ": 03 bộ;

Các trường hợp Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương phải xin hiệp y số lượng tăng thêm 01 bộ.

5. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng phong trào, chuyên đề, đột xuất; khen thưởng tập thể, cá nhân người nước ngoài, tập thể, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng kèm danh sách (Mẫu 01/TĐKT);

b) Biên bản họp xét (của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, Ban chỉ đạo, Ban lãnh đạo) - Mẫu 02/TĐKT;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét; tóm tắt thành tích hoặc bản xác nhận thành tích nhân dân (Mẫu số 6, 7, 8 ban hành kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012);

d) Số lượng:

- "Bằng khen của UBND tỉnh": 01 bộ;
- "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ": 04 bộ;
- Huân chương các loại: 04 bộ;

Số lượng hồ sơ trình khen cấp Nhà nước phải có nhiều bộ khác nhau tùy theo hình thức, danh hiệu thi đua và cấp độ khen. Trước mắt trình 1 bộ hồ sơ, sau khi được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ, trình đủ số lượng theo quy định. Các đơn vị trình phải gửi hồ sơ kể cả bằng file điện tử đối với báo cáo và tóm tắt thành tích dạng file word (định dạng: -.doc) và các hồ sơ khác gửi file scan (định dạng: -.pdf).

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình công hiến:

a) Tờ trình kèm danh sách (Mẫu 01/TĐKT);

b) Báo cáo tóm tắt quá trình công tác (Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012);

c) Bản sao lý lịch đảng viên;

d) Số lượng: 03 bộ

Điều 33. Các Hội đồng xét khen thưởng

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp công tác, giải pháp hữu ích, ứng dụng công nghệ mới (gọi tắt là Hội đồng Xét duyệt sáng kiến). Hội đồng Xét duyệt sáng kiến công nhận sáng kiến bằng quyết định, thực hiện theo mẫu số 03/BTĐKT.

Hội đồng Xét sáng kiến cấp cơ sở được thành lập để xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở hàng năm và để xét danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp huyện, sở, ngành và tương đương:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp huyện, sở ngành và tương đương do Chủ tịch UBND cấp huyện, thủ trưởng sở, ngành và tương đương quyết định thành lập, xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp huyện, sở ngành và tương đương để làm cơ sở xét sáng kiến cấp mình và xét đề nghị sáng kiến cấp tỉnh.

3. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh để công nhận sáng kiến cấp tỉnh, làm cơ sở xét đề nghị danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" và xét khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị (các cấp):

Do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các địa phương về công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, tổ chức tuyên truyền xây dựng điển hình, nhân rộng, phát huy tác dụng và giữ vững điển hình tiên tiến. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng (từ 13-15 thành viên); trong đó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc cán bộ phụ trách thi đua khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; cán bộ, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng ban chuyên môn.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh tổ chức, phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền và thực hiện chính sách khen thưởng.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

6. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 34. Tỷ lệ phiếu bầu xét khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân chỉ được khen thưởng, trình khen thưởng khi số phiếu bầu chọn của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có tỷ lệ:

a) Từ 90 % phiếu bầu trở lên đối với danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh";

b) Từ 85 % phiếu bầu trở lên đối với Huân chương các loại, "Cờ thi đua Chính phủ" (Riêng "Cờ thi đua của Chính phủ", nếu bình xét từ nhiều tập thể lấy một tập thể thì chọn tập thể có số phiếu bầu cao nhất);

c) Từ 80% trở lên đối với "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Cờ thi đua của UBND tỉnh" (Riêng Cờ thi đua của tỉnh nếu bình xét từ nhiều tập thể vị lấy một tập thể thì chọn tập thể có số phiếu bầu cao nhất);

d) Từ 75% trở lên đối với "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của UBND tỉnh", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

đ) Từ 70% trở lên đối với "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Chiến sỹ tiên tiến".

2. Đối với khen thưởng thành tích đột xuất, Thủ trưởng có thể chủ động tặng Giấy khen theo thẩm quyền, trình cấp trên xem xét khen thưởng khi có sự thống nhất trong tập thể lãnh đạo.

3. Đối với khen thưởng các chương trình công tác, các trường hợp đề nghị tặng "Bằng khen của UBND tỉnh" trở lên phải có sự thống nhất của Ban chỉ

đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc Ban lãnh đạo theo tỉ lệ quy định cho hình thức khen.

Điều 35. Tỷ lệ xét khen thưởng

1. Tỷ lệ xét khen thưởng tổng kết năm:

- "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của UBND tỉnh": Không quá 50% trong số đủ điều kiện.

- Khen cấp Nhà nước: Không quá 50% trong số đủ điều kiện.

Những đơn vị trong năm có tập thể trực thuộc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên không được xét khen thưởng.

2. Tỷ lệ khen thưởng cụm, khối thi đua:

a) Cụm, khối thi đua cấp tỉnh:

- "Cờ thi đua UBND tỉnh": Không quá 15% tổng số thành viên đăng ký thi đua.

- "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của UBND tỉnh": Không quá 45% tổng số thành viên.

b) Cụm, khối thi đua cấp cơ sở:

- "Cờ thi đua UBND tỉnh" chỉ tặng cho đơn vị dẫn đầu; số lượng Cờ thi đua ngành giáo dục và đào tạo thực hiện theo Công văn số 2183/UBND-SNV ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh.

- "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của UBND tỉnh": Không quá 40% tổng số thành viên.

c) Đối với đơn vị có điều kiện nhưng chưa tổ chức thi đua theo cụm, khối thi UBND (Sở Nội vụ) chỉ xét khen thưởng cho cá nhân, đơn vị trực thuộc và tập thể nhỏ thuộc cơ quan đó, số lượng khen không vượt quá 30% tổng số tập thể trực thuộc và cá nhân đủ tiêu chuẩn.

3. Các chương trình công tác do sở, ban, ngành quản lý phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt với số lượng Bằng khen không quá 15 tập thể, cá nhân (trừ các chuyên đề có phạm vi ảnh hưởng rộng, quy mô lớn). Hướng dẫn khen thưởng cần chú ý:

a) Chọn khen thưởng cá nhân, tập thể nhỏ điển hình;

b) Trong một năm chỉ xét tặng không quá hai Bằng khen đối với tập thể, một Bằng khen đối với cá nhân;

c) Cá nhân xét đề nghị khen thưởng phải có nửa thời gian tham gia chương trình công tác đó.

Điều 36. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ trước khi trình quyết định khen thưởng.

2. Đối tượng hiệp y là tổ chức trực thuộc UBND cấp huyện và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp phải lấy ý kiến của ngành cấp tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng lấy ý kiến hiệp y gồm: "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại, danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

Điều 37. Hồ sơ hiệp y khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị hiệp y gồm:

- a) Công văn đề nghị hiệp y khen thưởng của thủ trưởng cơ quan;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng (có xác nhận, ký tên và đóng dấu của thủ trưởng cơ quan);
- c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

Chậm nhất trong năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đối với các trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy (căn cứ lịch họp), sau một ngày nhận được ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh hiệp y.

Điều 38. Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi UBND tỉnh trình cấp Nhà nước xét khen thưởng

1. Đối tượng xin ý kiến là cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý;

2. Các hình thức khen thưởng phải xin ý kiến: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

Điều 39. Quy định về trình khen thưởng, mức khen thưởng

1. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho một đối tượng, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất.

2. Mức khen: Tiêu chuẩn khen thưởng trong Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP quy định cụ thể cho từng mức hạng, từng loại hình thành tích tương ứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương ứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao.

Điều 40. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng

1. Thời hạn trình hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng:

a) Khen thưởng thành tích đột xuất, chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm: Các ngày làm việc trong năm.

b) Khen thưởng tổng kết năm:

- Tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen; công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc" về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội: Trước ngày 15/3 năm sau.

- Khen thưởng thành tích năm học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tập thể thuộc ngành giáo dục và đào tạo: Trước ngày 15/7 hàng năm.

c) Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề: Sau khi kết thúc chuyên đề theo kế hoạch được duyệt.

2. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Khen thưởng "Cờ thi đua của Chính phủ": Trước ngày 15/3 hàng năm.

b) Đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" (kể cả ngành giáo dục và đào tạo), "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, khen thưởng quá trình cống hiến: Trước ngày 15/4 hàng năm.

c) Khen thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, Huân chương "Đại đoàn kết dân tộc", khen thưởng quá trình cống hiến: Trước 15/8 hàng năm.

d) Đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ba đợt trong năm:

Đợt 1: Trước tháng 3 để trao tặng vào ngày 30/4.

Đợt 2: Trước tháng 7 để trao tặng vào ngày 2/9.

Đợt 3: Trước tháng 11 để trao tặng vào ngày 22/12.

Điều 41. Thời gian thẩm định hồ sơ và xét khen thưởng

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ khen thưởng sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh:

Tặng thưởng Cờ thi đua, "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" và "Bằng khen của UBND tỉnh" (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ):

a) Không quá bốn ngày làm việc: Đối với khen thưởng đột xuất;

b) Không quá năm ngày làm việc: Đối với hồ sơ đề nghị có dưới 15 tập thể, cá nhân, không quá mười ngày làm việc đối với hồ sơ có số lượng đề nghị 15 tập thể, cá nhân trở lên;

c) Đối với các tập thể ngành giáo dục và đào tạo do cấp huyện đề nghị Bằng khen, sau khi có Quyết định công nhận "Tập thể Lao động xuất sắc" không quá hai ngày làm việc trình Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Thêm năm ngày làm việc đối với hồ sơ khen cần phải lấy ý kiến các ngành có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", khen thưởng cấp Nhà nước thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt theo trình tự thời gian như sau:

a) Đợt 1:

Trong tháng 3: Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét "Cờ thi đua Chính phủ"; xét, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

b) Đợt 2:

Trong tháng 5: Thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh (xét sáng kiến cấp tỉnh, xét sáng kiến "Chiến sỹ thi đua tỉnh", "Chiến sỹ Thi đua toàn quốc"), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xét danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Huân chương các loại về kinh tế - xã hội, khen thưởng quá trình cống hiến.

Sau khi xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong tháng 6 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

c) Đợt 3:

Trong tháng 9: Thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh (xét sáng kiến cấp tỉnh, xét sáng kiến "Chiến sỹ thi đua tỉnh", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc"), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xét danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, xét đề nghị tặng Huân chương Đại đoàn kết.

Sau khi xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong tháng 10 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 42. Quy định về biểu mẫu

Mỗi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau, khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cần báo cáo đúng biểu mẫu, bám sát tiêu chuẩn khen thưởng, tóm tắt sáng kiến đề tài hiệu quả và văn bản công nhận.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng, báo cáo cần làm rõ đủ điều kiện và thành tích. Thành tích tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, có số liệu so sánh, chứng minh.

1. Các mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo phụ lục của Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

a) Mẫu số 1: Báo cáo thành tích đề nghị Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Cờ thi đua của Chính phủ", Cờ thi đua, Bằng khen bộ

ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; "Tập thể lao động xuất sắc", Giấy khen đối với tập thể;

b) Mẫu số 2: Báo cáo thành tích cá nhân đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen Thủ tướng, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua bộ ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và Giấy khen đối với cá nhân;

c) Mẫu số 3: Báo cáo thành tích khen quá trình công hiến của cán bộ;

d) Mẫu số 4: Báo cáo thành tích tập thể đề nghị tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Mẫu số 5: Báo cáo thành tích cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân;

e) Mẫu số 6: Báo cáo thành tích đột xuất đối với tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen Thủ tướng, Bằng khen UBND tỉnh và Giấy khen;

g) Mẫu số 7: Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hay theo chuyên đề đối với tập thể, cá nhân;

h) Mẫu số 8: Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân nước ngoài: Huân huy chương hữu nghị, Huân chương lao động, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp tỉnh và Giấy khen.

2. Các biểu mẫu khác về lập hồ sơ trình khen thưởng thực hiện theo phụ lục Bộ thủ tục hành chính của Sở Nội vụ:

a) Mẫu số 1/TĐKT: Tờ trình;

b) Mẫu số 2/TĐKT: Biên bản họp xét;

c) Mẫu số 3/TĐKT: Quyết định công nhận sáng kiến;

d) Mẫu số 4/TĐKT: Báo cáo tóm tắt về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp hiệu quả của Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và Chiến sỹ thi đua toàn quốc;

đ) Mẫu số 5/TĐKT: Báo cáo biên chế và kết quả khen tập thể cá nhân trực thuộc đơn vị;

e) Mẫu số 6/TĐKT : Đơn xin điều chỉnh mức khen.

3. Các biểu mẫu cấp đổi hiện vật khen thưởng: Thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/NĐ-CP/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

a) Mẫu 4.1a: Công văn cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể;

b) Mẫu 4.1b: Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân;

c) Mẫu 4.2a: Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể;

d) Mẫu 4.2b: Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân;

đ) Mẫu 4.3: Danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng;

e) Mẫu 4.4: Danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng;

Chương V **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 43. Nguồn và mức trích quỹ

Căn cứ theo Điều 3, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng.

1. Quỹ Thi đua, Khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

a) Nguồn hình thành:

Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng; nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

b) Mức trích:

- Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được giao và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng quy định tại Khoản 2 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; trên cơ sở nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng; nguồn thu hợp pháp khác; kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức chi khen thưởng năm hiện hành; UBND các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên.

- Căn cứ tình hình thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến năm kế hoạch; Chủ tịch UBND các cấp quyết định mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng của các đơn vị dự toán trực thuộc.

- Trong quyết định giao dự toán của Chủ tịch UBND các cấp cho các đơn vị dự toán trực thuộc phải ghi chú rõ mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng.

2. Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Nguồn hình thành:

Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng; nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

b) Mức trích:

- Hàng năm, căn cứ tính chất hoạt động đặc thù; căn cứ dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao; trên cơ sở nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng; nguồn thu hợp pháp khác; căn cứ kết quả thực hiện Quỹ Thi đua, Khen thưởng năm

trước và dự kiến tổng mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng năm hiện hành; các tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện dự kiến số trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng và tổng hợp cùng với bản dự kiến phân bổ dự toán gửi cơ quan tài chính thẩm định để thống nhất mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng trong năm.

- Căn cứ vào mức kinh phí bố trí lập Quỹ Thi đua, Khen thưởng, các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội phân bổ Quỹ Thi đua, Khen thưởng cho cấp mình quản lý và cho các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là các hội) tự quyết định mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng căn cứ khả năng tài chính của tổ chức mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài, từ các nguồn thu hợp pháp khác.

Riêng đối với các Hội đặc thù theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Hội có tính chất đặc thù; mức trích tối đa để chi khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 20% tổng Quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số biên chế được giao.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ Thi đua, Khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ Thi đua, Khen thưởng được trích lập từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan chủ quản cấp trên giao; từ phần chênh lệch thu lớn hơn chi và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

5. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; hợp tác xã nông, lâm, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá và trong các lĩnh vực khác:

a) Đối với các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá và trong các lĩnh vực khác, việc trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng được thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, cụ thể:

- Quỹ Thi đua, Khen thưởng do Điều lệ Hợp tác xã và Đại hội xã viên quy định phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã; tỷ lệ cụ thể trích lập các quỹ do Đại hội xã viên quyết định.

- Nguồn trích lập: Theo quy định tại Khoản 7 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

- Mục đích, phương thức quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng của hợp tác xã do Điều lệ hợp tác xã quy định.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Việc trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2012 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp quy định tại điểm b Khoản này): Quỹ Thi đua, Khen thưởng được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế và từ quỹ lương. Mức trích lập do Hội đồng thành viên/ Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc của doanh nghiệp quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 44. Sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

2. Nội dung chi thi đua, khen thưởng:

a) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huân chương, huy chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huân, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu.

Đối với kinh phí để in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huân chương, huy chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huân, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu thuộc các hình thức khen thưởng do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước quyết định khen thưởng được chi từ dự toán ngân sách của Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho các nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

- Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi

đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

- Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, tổ chức, sở, ban, ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng.

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

3. Mức chi:

a) Mức chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huân chương, huy chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huân, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu theo hợp đồng với đơn vị sản xuất.

c) Chi cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng; chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng, các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh và Hội đồng Xét sáng kiến thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Việc tuyên truyền cho thi đua, khen thưởng

Các cơ quan thông tin, báo, đài thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về công tác thi đua, khen thưởng, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt để cổ vũ, nhân rộng phong trào. Kịp thời phát hiện, biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc và phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 46. Đăng ký thi đua và đăng ký xét khen thưởng hàng năm

1. Việc đăng ký thi đua mang ý nghĩa tham gia thi đua để được cấp tổ chức theo dõi đánh giá thi đua, được xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Đăng ký thi đua với cấp tổ chức thi đua bằng văn bản với nội dung phần đấu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua hoặc nội dung thi đua của cấp tổ chức thi đua đã đề ra.

2. Đối với thi đua thường xuyên, ngoài đăng ký để tham gia thi đua còn đăng ký xét khen thưởng. Mỗi tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua của năm

còn có thể đủ điều kiện, đạt thành tích để được xem xét ở danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn.

3. Hàng năm, trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, các cụm khối thi đua tỉnh báo cáo danh sách các thành viên đăng ký thi đua và danh sách đăng ký xét "Cờ thi đua của UBND tỉnh", "Cờ thi đua của Chính phủ". Các ngành, địa phương báo cáo danh sách đăng ký đề nghị xét khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 47. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh những trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị thủ trưởng cơ quan trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng "Cờ thi đua của UBND tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh" và "Bằng khen của UBND tỉnh" cho các cá nhân, tập thể thuộc ngành, địa phương mình quản lý.

Điều 48. Lễ trao tặng

Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng, Huân chương, Huy chương, danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; phải đảm bảo tổ chức trang trọng và tiết kiệm.

Điều 49. Mẫu bằng công nhận danh hiệu thi đua

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, cụ thể như sau:

1. Mẫu bằng công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của UBND cấp tỉnh": Theo Điều 30.

2. Mẫu bằng công nhận danh hiệu danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", Giấy khen: Theo Điều 31.

3. Mẫu bằng công nhận danh hiệu Huy hiệu của tỉnh, Gia đình văn hoá: Theo Điều 32.

4. Mẫu bằng công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến"; "Tập thể Lao động tiên tiến", "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị tiên tiến", "Đơn vị quyết thắng", "Khóm, Ấp, Tổ dân phố văn hóa": Theo Điều 33.

5. Mẫu "Cờ thi đua của UBND tỉnh": Theo Điều 35.

Điều 50. Thông báo kết quả khen thưởng.

Căn cứ Điều 22 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ, các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng và đã được UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo cho đơn vị trình khen biết.

Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 10 ngày (kể từ ngày UBND tỉnh quyết định và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có văn bản gửi đến), Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải thông báo cho đơn vị trình khen biết. Các trường hợp đề nghị khen cấp nhà nước nếu không được xét khen trong năm trình thì sau đó ít nhất 1 năm mới trình khen lại.

Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phải thông báo và trả hồ sơ cho cơ quan trình khen.

Điều 51. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

Căn cứ Điều 23 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ Quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức:

1. Tập văn bản về thi đua, khen thưởng gửi chung đến các cơ quan (gọi chung là hồ sơ nguyên tắc): Lưu trữ đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành.

2. Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng: Lưu trữ vĩnh viễn

3. Hồ sơ hội nghị thi đua do cơ quan chủ trì tổ chức: Lưu trữ vĩnh viễn

4. Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng:

- Dài hạn, hàng năm: Lưu trữ vĩnh viễn

- 6 tháng, 9 tháng: Lưu trữ 20 năm

- Quý, tháng: Lưu trữ 5 năm

5. Hồ sơ tổ chức thực hiện phong trào thi đua nhân các dịp kỷ niệm: Lưu trữ 10 năm.

6. Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân:

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ: Lưu trữ vĩnh viễn.

- Các hình thức khen thưởng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và tương đương: Lưu trữ 20 năm.

- Các hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Lưu trữ 10 năm.

7. Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài: Lưu trữ vĩnh viễn.

8. Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng: Lưu trữ 10 năm.

Điều 52. Hướng dẫn tổ chức, thực hiện Quy chế

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp cùng cấp triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này; đẩy mạnh sâu rộng các phong trào thi đua, qua đó phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo tổng kết năm trước ngày 30 tháng 12 hàng năm về kết quả thực hiện phong trào thi đua, nêu rõ các phong trào thi đua mới đã mang lại hiệu quả; giới thiệu các điển hình tiên tiến và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) để tổng hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Việt Hiệp

Mẫu 01/TĐKT

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)*

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

V/v khen thưởng(1)

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012; Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ;

Căn cứ biên bản cuộc họp (2)

.....đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
xem xét khen thưởng, trình khen thưởng:

..... (3)

(Có danh sách và hồ sơ kèm theo) (4)

Đã có thành tích xuất sắc (5)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:

-.....;
-

.....

Ghi chú:

(1) Loại khen thưởng, thí dụ:

- Về việc khen thưởng tổng kết năm 20...
- Về việc khen thưởng thực hiện phong trào thi đua năm 20...
- Về việc khen thưởng thành tích Xây dựng GTNT (chuyên đề, đột xuất)

(2) Căn cứ đề nghị khen thưởng:

Ngoài các văn bản chung đã nêu, nếu là khen chuyên đề cần ghi thêm văn bản về chỉ đạo, chủ trương của loại khen này ví dụ thực hiện kế hoạch phát động thi đua số...).

Biên bản cuộc họp gồm:

- Họp xét khen thưởng đột xuất, phong trào, chuyên đề, ...

* Biên bản ghi cụ thể những trường hợp được xét đề nghị theo tiêu chuẩn, điều kiện, tỷ lệ phiếu bầu của thành viên Hội đồng xét khen thưởng;

(3) Nội dung đề nghị: Ghi số lượng... hình thức khen, ví dụ:

- 05 Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho 02 tập thể, 03 cá nhân;
- 01 CSTĐ tỉnh;
- 03 Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho 01 tập thể, 02 cá nhân..

(4) Danh sách kèm theo: Ghi theo thứ tự như ở phần số lượng tập thể trước, cá nhân sau trong cùng hình thức khen:

I. Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a). Tập thể:

1.
2.

b). Cá nhân:

1.
2.

Nếu đề nghị khen đột xuất với số lượng ít có thể ghi thẳng vào tờ trình không cần danh sách kèm theo.

(5) Thành tích khen: Ghi ngắn gọn trong hai dòng trở lại (để ghi vào bằng khen) thể hiện thành tích chính đề nghị khen thưởng. Ví dụ:

- Đã có thành tích xuất sắc trong năm 20...;
- Đã có thành tích xuất sắc phòng, chống lũ lụt năm 20....

Mẫu 02/TĐKT
(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)

ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-TĐKT

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Vào lúc...giờ..., ngày...tháng...năm..., tại... Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ... họp để xét khen thưởngnăm, xét khen thưởng.....

Thành phần dự họp :

- Ông (bà)..... Chủ tịch HĐTĐKT ...;
- Ông (bà)Phó Chủ tịch HĐTĐKT;
- Ông (bà).....thành viên Hội đồng TĐKT... ;
- Ông(bà)..... Thư ký.

Tổng số Thành viên Hội đồng ...vắng ... đ/c, có lý do: gồm Ông (bà)....

NỘI DUNG:

Ông (bà) ... thay mặt Hội đồng TĐ-KT ... thông qua Báo cáo số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng, giới thiệu tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng.

Các ý kiến của thành viên:....

Sau khi thảo luận Hội đồng thống nhất, bỏ phiếu kín đề nghị khen thưởng từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng như sau:

1. Danh sách đề nghị danh hiệu thi đua.....: có ... tập thể, cá nhân.
2. Danh sách đề nghị khen thưởng cấp tỉnh.....: có ... tập thể, cá nhân.
3. Danh sách đề nghị khen thưởng cấp nhà nước...: có ... tập thể, . cá nhân.
(Danh sách kèm theo, thể hiện tỷ lệ phiếu tín nhiệm)
4. Danh sách không đủ phiếu bầu

Hội nghị kết thúc lúc ... giờ... cùng ngày.

THƯ KÝ

TM.HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG ...
CHỦ TỊCH

Ghi chú : Mẫu 02/TĐKT được sử dụng chung cho Biên bản họp Ban Chỉ đạo, Ban Lãnh đạo xét khen thưởng theo thủ tục hành chính thứ 4

Mẫu 03/TĐKT

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)
Quyết định công nhận sáng kiến*

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ CÔNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-HĐSK

An Giang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận " Sáng kiến, giải pháp, mô hình sản xuất..."

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT SÁNG KIẾN

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003; và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ kết quả xét sáng kiến của HĐ xét sáng kiến.... ngày .. tháng ... năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sáng kiến, giải pháp, mô hình "....." của ông bà (hoặc gia đình ông (bà) chức vụ, đơn vị hoặc địa chỉ thường trú... tỉnh An Giang.

Điều 2. Sáng kiến giải pháp trên đã được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi ...được nhiều người thừa nhận; có khả năng phổ biến, nhân rộng trên phạm vi; được Hội đồng Xét sáng kiến ...bình xét đạt ...phiếu/... phiếu (%) hoặc chấm điểm đạt ... /100 điểm/.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT ...;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Lưu: .

CHỦ TỊCH

(CHỨC VỤ)
Nguyễn Văn An

Mẫu 04/TĐKT

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)

Mẫu tóm tắt Đề tài, sáng kiến, giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh, danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh và chiến sỹ thi toàn quốc.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN CẢI TIẾN, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ
Đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh, huyện, cơ sở

I- Sơ lược lý lịch:

- Họ và tên: Bí danh Nam, nữ
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ hiện nay:
- Trình độ chuyên môn:

II- Sơ lược đặc điểm tình hình đơn vị: Nêu tóm tắt tình hình đơn vị, những thuận lợi, khó khăn của đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Tên đề tài giải pháp:

III- Mục đích yêu cầu của đề tài, sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật.

IV- Hiệu quả:

V. Mức độ ảnh hưởng: trong phạm vi toàn quốc, các tỉnh, huyện.

VI- Kết luận: về tính mới, tính sáng tạo, tính khả thi và khả năng áp dụng...

Hội đồng xét sáng kiến ..
xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Người viết sáng kiến

Mẫu 05/TĐKT

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND
 ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)
 Thống kê biên chế và kết quả khen thưởng

Đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THỐNG KÊ BIÊN CHẾ VÀ KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG NĂM 2014

Số TT	Họ và tên	Tổng số	Kết quả xếp loại công chức				Đạt LĐTT		Có SK cấp cơ sở	Đạt CSTĐCS	Tập thể	
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	HTNV (nhưng còn hạn chế về năng lực)*	Không HTNV	Số lượng	Tỷ lệ			LĐTT	LĐXS
I. Khối QLNN												
1. Phòng A												
1												
2												
3												
1. Phòng B												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
2. Phòng C												
11												
12												
13												
14												
15												
16												
17												
II. Khối đơn vị sự nghiệp												
1. Đơn vị A												
1												

2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
2. Đơn vị B													
10													
11													
12													
13													
14													
3. Đơn vị C													
15													
16													
17													
18													
Tổng cộng													
	Ghi chú: Đối với đơn vị sự nghiệp không có phần hạn chế về năng lực						An Giang, ngày tháng năm 2014						
	Lập biểu						Thủ trưởng đơn vị						

Mẫu 06/TĐKT

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)

Đơn xin điều chỉnh mức khen

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN ĐIỀU CHỈNH MỨC KHEN
VỀ THÀNH TÍCH KHÁNG CHIẾN**

Kính gửi:.....

.....

.....

Tôi tên là :.....sinh năm:.....

Hiện cư ngụ tại:.....

Nguyên tôi (hoặc ...) đã được tặng thưởng.....

về thành tích.....trong kháng chiến chống.....

Theo Quyết định số:..... ngày..... của..... Số sổ vàng:.....

Lý do xin điều chỉnh mức khen:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kính mong được xem xét và chấp thuận của quý cơ quan./.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tục đề nghị :

1- Đơn xin điều chỉnh mức khen thưởng (2 bản).

2- Hồ sơ khen thưởng:

- Bản khai thành tích (2 bản),

- Giấy xác nhận thành tích của cán bộ hoặc tổ chức cách mạng lúc đó đã được gia

đình giúp đỡ (mỗi cán bộ xác nhận 2 bản-nếu là bản photocopy thì phải được công chứng của cấp
thẩm quyền).

3- Biên bản của Hội đồng xét duyệt khen thưởng xã, phường, thị trấn (2 bản).

4- Tờ trình đề nghị điều chỉnh mức khen thưởng của UBND xã, phường, thị trấn (2

bản).

5- Tờ trình đề nghị điều chỉnh mức khen thưởng của UBND huyện, thị xã (2 bản).

6- Bản sao Giấy chứng nhận hoặc Quyết định đã được khen thưởng (2 bản).

PHỤ LỤC
CÁC MẪU ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG
(Thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu 4.1a. Công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể

Mẫu 4.1b. Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân

Mẫu 4.2a. Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể

Mẫu 4.2b. Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân

Mẫu 4.3. Danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng

Mẫu 4.4. Danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng